TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14/08/2025.
V/v: "Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tú và ông Trần Văn Thành.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 6 - Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Phú Thọ tham gia phiên toà***: Ông Phạm Thật - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 6 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tổ F, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là Tổ F, phường N, tỉnh Phú Thọ).

Bị đơn: Anh Lê Cao C, sinh năm 1981. Địa chỉ: Khu T, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là khu T, xã H, tỉnh Phú Thọ).

(Chị H, anh C đều có quan điểm xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Ngọc H trình bày: Chị và anh Lê Cao C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/6/2022 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị cũng không về chung sống cùng anh C và gia đình anh C. Anh chị mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không bảo ban được nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Khi vợ chồng mâu thuẫn gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm

vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 16/4/2022. Cháu Đ ở cùng chị từ nhỏ đến nay do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ngoài ra chị còn được sự giúp đỡ của bố mẹ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ nên cháu Đ được ăn học và phát triển khoẻ mạnh. Hiện nay, chị làm kinh doanh dịch vụ làm đẹp, có thu nhập ổn định hàng tháng khoảng 15.000.000đ đến 20.000.000đ, đủ điều kiện để nuôi con. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Minh Đ và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết.

2, Tại bản tự khai ngày 30/6/2025 anh Lê Cao C trình bày: Anh và chị Trần Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/6/2022 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn anh và chị H sống mỗi người một nơi do đã có mâu thuẫn từ trước khi kết hôn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng sống ly thân từ thời điểm kết hôn cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 16/4/2022. Hiện nay, cháu Đ đang ở cùng chị H, anh vẫn thường xuyên đi lại thăm nom con chung. Nhưng do điều kiện của anh hiện tại không thể trực tiếp nuôi con nên anh nhường quyền nuôi con cho chị H. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên anh sẽ tự cấp dưỡng cho con theo điều kiện của anh.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh C không yêu cầu giải quyết.

3, Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 08/7/2025 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị Trần Ngọc H và anh Lê Cao C có đăng ký kết hôn ngày 17/6/2022 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã H, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị H không về chung sống cùng anh C tại xã H mà chị H sống tại thành phố V (nay là phường V), tỉnh Phú Thọ. Anh chị không chung sống cùng nhau là do vợ chồng có sự mâu thuẫn, không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên anh chị sống mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Chị H và anh C có 01 con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 16/4/2022. Hiện nay, cháu Đ đang ở cùng chị H. Nay chị H xin ly hôn anh C, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát

biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Ngọc H và anh Lê Cao C.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 16/4/2022 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Đăng thành N (đủ 18 tuổi). Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H tự nguyện không yêu cầu. Anh C được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H, anh C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Ngọc H phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; Anh Lê Cao C phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh C có hộ khẩu thường trú tại khu T, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là khu T, xã H, tỉnh Phú Thọ). Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị H, anh C đều có quan điểm xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị H và anh C là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã H, tỉnh Phú Thọ) cho đăng ký kết hôn ngày 17/6/2022 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt. Chị H, anh C đều xác nhận vợ chồng không hợp nhau,

không bảo ban được nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã nên chung sống không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ thời điểm kết hôn cho đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị H và anh C được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn chị H không về chung sống cùng anh C tại xã H mà chị H sống tại thành phố V (nay là phường V), tỉnh Phú Thọ. Nguyên nhân là do vợ chồng có sự mâu thuẫn, không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên anh chị sống mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị H và anh C đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây thêm đau khổ cho cả hai bên làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Chị H xin ly hôn, anh C nhất trí thuận tình ly hôn. Vì vậy cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh C là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H, anh C đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 16/4/2022. Hiện nay cháu Đ đang ở cùng chị H, khi ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung, anh C nhất trí. Xét yêu cầu của anh, chị về việc thỏa thuận giao con chung và thoả thuận về việc cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện cần được chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H, anh C đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H, anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Ngọc H và anh Lê Cao C.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 16/4/2022 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Đăng thành N (đủ 18 tuổi). Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H tự nguyện không yêu cầu. Anh C được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H, anh C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Trần Ngọc H phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002370 ngày 16/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm khê, tỉnh Phú Thọ (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 - Phú Thọ). Trả lại cho chị H 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Lê Cao C phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 6 - Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 6 - Phú Thọ;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền